

Bản án số: **88/2025/HS-ST**
Ngày 30-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Đắc Hưng.

2/ Bà Nguyễn Thị Nam Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Đinh Hiếu T (Bi); sinh năm: 1990, tại Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký T trú: Khối 5, phường B, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 049090030936, cấp ngày 27/12/2021. Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Phú C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; vợ Nguyễn Thị K, sinh năm: 1992 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/02/2024, bị Công an thị xã Điện Bàn xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép (đã chấp hành). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại Khu vực Điện Bàn. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Đặng Nguyễn Thị Phạm Kha Ly N, sinh năm: 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Khối phố Cổ An Đông, phường B, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Vĩnh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Khối Tân Mỹ, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1992. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khối phố 5, phường B, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên khoảng tháng 9/2023, T thỏa thuận vay của bà N số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng/tháng. N trừ trước 5.000.000 đồng tiền lãi và đưa cho T 95.000.000 đồng tiền mặt.

Sau đó, T tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, nhưng bà N yêu cầu T phải cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSD đất) thì mới cho T vay tiếp. Trên thực tế T đang là chủ sở hữu thửa đất số 360/1a, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (*Nay là khối phố Quảng Hậu Đông, phường B, thành phố Đà Nẵng*). Tuy nhiên, vào ngày 18/8/2023, T đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn H (sinh năm: 1966; trú: khối phố Tân Mỹ, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng) một phần diện tích thửa đất là 130m² (rộng 5m x dài 26m) trong tổng diện tích 327,5m² với giá 1.150.000.000 đồng. Ông H đặt cọc trước số tiền 600.000.000 đồng và T giao GCNQSD đất gốc cho ông H để làm thủ tục tách thửa nên không có GCNQSD đất thật để giao cho bà N. Vì vậy, T nảy sinh ý định làm GCNQSD đất giả cầm cố cho bà N để bà N tin tưởng cho T vay thêm tiền. Do đó, T lên mạng xã hội đặt mua 01 giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có đặc điểm và thông tin giống với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã giao cho ông H với giá 10.000.000 đồng. Bị cáo nhận hàng bằng hình thức COD (nhận hàng mới trả tiền).

Ngày 01/11/2023, bị cáo đem giấy CNQSD đất giả cầm cố cho bà N và bà N tưởng GCNQSD đất là thật nên đồng ý cho T vay thêm 100.000.000 đồng; bà N trừ trước 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và trừ 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng trước đó (tiền lãi của tháng 10/2023). Bà N đưa cho T 55.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 35.000.000 đồng.

Đối với lần vay này, T trả lãi cho bà N 03 lần: ngày 01/12/2023, trả tiền lãi 5.000.000 đồng của khoản vay 100.000.000 đồng lần 1 (vì khoản vay 100.000.000 đồng của lần 2 đã trừ trước lãi vào tiền vay); ngày 01/01/2024, trả tổng tiền lãi 10.000.000 đồng/ 200.000.000 đồng tiền vay; ngày 01/02/2024, trả tổng tiền lãi 10.000.000 đồng/ 200.000.000 đồng tiền vay.

Lần 3: Ngày 28/02/2024, T vay thêm của N 50.000.000 đồng, N trừ trước 2.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và trừ 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng trước đó (tiền lãi của tháng 02/2024) nên N chuyển khoản cho T 37.500.000 đồng. Ngày 28/02/2024, N yêu cầu T viết giấy mượn tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 01/4/2024, T tiếp tục trao đổi vay của N thêm 100.000.000 đồng và cam kết sẽ tách thửa đối với thửa đất của T để bán phần diện tích (5 x 26)m rồi trả hết nợ cho N. N trừ trước 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và trừ 12.500.000 đồng của khoản vay 250.000.000 đồng trước đó (tiền lãi của tháng 3/2024). N đồng ý và chuyển khoản cho T 82.500.000 đồng. Lần này, N yêu cầu T ký hợp đồng vay số tiền 350.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 04/5/2024, T tiếp tục trao đổi vay thêm của N 50.000.000 đồng, N trừ trước 2.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và 17.500.000 đồng tiền lãi của khoản

vay 350.000.000 đồng trước đó (tiền lãi của tháng 4/2024). Tổng số tiền T vay của bà N là 400.000.000 đồng, T đồng ý trả trước 10.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này, số tiền còn lại sẽ tiếp tục trả trong tháng. Như vậy, sau khi thống nhất trừ tổng các khoản tiền lãi trên là 30.000.000 đồng, N chuyển cho T 20.000.000 đồng. T viết giấy mượn tiền 400.000.000 đồng.

Lần vay này, T không có tiền trả lãi nên khi T đề nghị vay tiếp, bà N thấy số tiền vay đã nhiều nên không đồng ý cho T vay nữa. Đến cuối tháng 7 đầu tháng 8/2024, bà N phát hiện GCNQSD đất mà T cầm cố là giả nên bà N đến nhà yêu cầu T và gia đình T trả tiền. Ngày 22/8/2024, T và N đến Văn phòng công chứng Đoàn Thanh Tùng ký kết hợp đồng vay tiền với thỏa thuận: đến tháng 11/2024, T trả tiền lãi và gốc cho N, trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 100.000.000 đồng (gồm 05 tháng: 6, 7, 8, 9, 10 mỗi tháng 20.000.000 đồng), thời hạn vay đến ngày 01/11/2024. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ cho bà N nhưng T cố tình trốn tránh không trả nên N làm đơn tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, Công an đã tiến hành thu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 092746, tên người sử dụng đất: ông Đinh Hiếu T, sinh năm: 1990, CMND số 205386746, cấp ngày: 11/5/2005 tại Công an tỉnh Quảng Nam, thửa đất số: 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; diện tích: 327,5m².

Tại Kết luận giám định số 78/KL-KTHS(TL) ngày 23/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Phôi của tài liệu cần giám định ký hiệu A so với phôi mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải được in từ cùng phương pháp in.

- Chữ ký đứng tên Trần Thanh Hà trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Thanh Hà trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

1. Mẫu cần giám định:

01 tài liệu có tiêu đề “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: BK 092746, ghi nội dung: “Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Đinh Hiếu T, năm sinh: 1990, CMND số 205386746, hộ khẩu T trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; thửa đất số: 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đề ngày 24/7/2012, ký đứng tên Đặng Hữu Lân dưới mục “KT CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH”, đóng dấu tròn màu đỏ của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu A).

2. Mẫu so sánh, tài liệu có liên quan hoặc gửi kèm theo:

- 01 tài liệu có tiêu đề “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: DN 717085 (tài liệu ký hiệu M1).

- 01 Công văn số 688/UBND, ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu M2).

- 01 Công văn số 703/UBND, ngày 19/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu M3).

- 01 Công văn số 655/UBND, ngày 04/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu M4).

- 01 Công văn số 667/UBND, ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu M5).

- 01 Công văn số 654/UBND, ngày 03/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (tài liệu ký hiệu M6).

3. Kết luận về đối tượng giám định:

- Phôi của tài liệu cần giám định ký hiệu A so với phôi của tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải được in từ cùng phương pháp in.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu tròn màu đỏ mang nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Đặng Hữu Lân dưới mục “KT CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Đặng Hữu Lân trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 không phải do cùng một người ký ra.

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:**

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 092746, tên người sử dụng đất: ông Đinh Hiếu T, sinh năm: 1990, CMND số: 205386746, cấp ngày: 11/5/2005 tại Công an tỉnh Quảng Nam, thửa đất số 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 327,5m² do bà Đặng Nguyễn Thị Phạm Kha Ly N giao nộp là giả, chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy mượn tiền ngày 28/02/2024; 01 Giấy mượn tiền ngày 04/5/2024; Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2024, bản gốc chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- 01 Hợp đồng đặt cọc tại Văn phòng công chứng Điện Nam – Điện Ngọc (địa chỉ: 1026 Trần Hưng Đạo, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) do Đinh Hiếu T giao nộp thể hiện việc thỏa thuận bán một phần thửa đất số: 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Vĩnh H (bản pho to).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Đinh Hiếu T và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên phạt bị cáo từ 03 đến 03 năm 06 tháng tù về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số vay thực tế là 325.000.000 đồng và bị cáo đã trả xong nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng đang tạm giữ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên và thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. *Về tội danh:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận: Mặc dù trên thực tế bị cáo Đinh Hiếu T có thửa đất số 360/1a; diện tích 327,5m², nhưng bị cáo đã chuyển nhượng cho ông H 130m² và ông H đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa. Tuy nhiên, để bà N tin tưởng cho bị cáo vay tiền, bị cáo đã liên hệ với một trang mạng xã hội trên facebook đặt làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 092746 có các thông tin và đặc điểm giống với giấy CNQSD đất thật mà bị cáo đã chuyển nhượng cho ông H để cầm cố cho bà N vay tiền nhiều lần. Cụ thể: Ngày 01/11/2023 vay 100.000.000 đồng; ngày 28/02/2024 vay 50.000.000 đồng; ngày 01/4/2024 vay 100.000.000 đồng và ngày 04/5/2024 vay 50.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức và hành vi dùng thủ đoạn gian dối (*cầm cố giấy chứng nhận giả*) để bà N tin tưởng là thật cho bị cáo vay với tổng số tiền 300.000.000 đồng; sau đó bị cáo không trả nợ và cố tình trốn tránh là nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà N. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào 02 khách thể khác nhau được Bộ luật Hình sự bảo vệ và đủ yếu tố cấu thành tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. *Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Bị cáo biết rõ việc sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện các giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:* Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã bồi T toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ không có việc làm ổn định và đang nuôi hai con nhỏ; gia đình có công Cách mạng, có ông nội là Liệt sỹ, bà nội được Nhà nước phong tặng danh hiệu bà Mẹ Việt Nam anh Hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần hình phạt khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mặc dù bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm ổn định và đang nuôi 02 con nhỏ, nên xét thấy cần thiết áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình cũng đã đủ tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. *Về những vấn đề liên quan trong vụ án:*

Đối với hành vi của Đặng Nguyễn Thị Phạm Kha Ly N cho bị cáo vay với mức lãi suất 5%/ tháng, tương đương với mức 60%/năm. Xét thấy, bà N chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị kết án về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên hành vi của bà N không đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, N cho vay với lãi suất vượt quá 20%/ năm là vi phạm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ngày 31/7/2025 Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định số 511/QDD-XPHC về việc xử phạt hành chính bà N số tiền 75.000.000 đồng là phù hợp nên không xét.

Đối với việc bà N phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 092746 đứng tên T là giả, nhưng vào thời điểm này hành vi phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo đã hoàn thành và bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 300.000.000 đồng của bà N, nên Cơ quan điều tra không truy tố N với vai trò đồng phạm với bị cáo về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là phù hợp.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Đã thỏa thuận bồi thường xong nên không xét.

[7]. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tuyên lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 092746, đứng tên Đinh Hiếu T, sinh năm: 1990, CMND số: 205386746, cấp ngày: 11/5/2005 tại CA tỉnh Quảng Nam, thửa đất số 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 327,5m² do bà N giao nộp là giả. 01 Giấy mượn tiền ngày 28/02/2024; 01 Giấy mượn tiền ngày 04/5/2024; Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2024.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tại Văn phòng công chứng Điện Nam – Điện Ngọc (địa chỉ: 1026 Trần Hưng Đạo, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) do Đinh Hiếu T giao nộp thể hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất số: 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Vĩnh H.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Hiếu T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Hiếu T 05 (Năm) năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/9/2025.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 092746, đứng tên Đinh Hiếu T, sinh năm: 1990, CMND số: 205386746, cấp ngày: 11/5/2005 tại CA tỉnh Quảng Nam, thửa đất số 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 327,5m² do bà N giao nộp là giả. 01 Giấy mượn tiền ngày 28/02/2024; 01 Giấy mượn tiền ngày 04/5/2024; Hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2024.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tại Văn phòng công chứng Điện Nam – Điện Ngọc (địa chỉ: 1026 Trần Hưng Đạo, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) do Đinh Hiếu T giao nộp thể hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất số: 360/1a, tờ bản đồ số: 06, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cho ông Lê Vĩnh H.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội; buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/9/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng,
- VKSND thành phố Đà Nẵng,
- VKSND Khu vực 10 – Đà Nẵng,
- THADS Khu vực 10 – Đà Nẵng,
- Văn phòng Công an tp. Đà Nẵng,
- Cơ quan CSĐT CA tp. Đà Nẵng,
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng,
- Bị cáo, người TGTG khác,
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Văn Thế

